

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183B/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Vân G**, sinh năm 1998,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm A, thôn Ú, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.
Nơi ở hiện nay: Singapore.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Đình T**, sinh năm 1995,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm A, thôn Ú, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.
Nơi ở hiện nay: Đà Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đoàn Đình T1**, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Xóm A, thôn Ú, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chị G, anh T, ông T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân G bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định vào ngày 04/7/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Tranh cãi ngày càng nhiều khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Năm 2020 anh T sang Đài Loan lao động, còn chị G từ tháng 3/2024 đã sang Singapore lao động đến nay. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau nhiều năm. Dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là Đoàn Đình T2, sinh ngày 28/7/2016. Hiện cháu T2 đang sống cùng anh T và ông bà nội là ông Đoàn Đình T1 và bà Trần Thị T3 tại Xóm A, thôn Ứ, xã A, huyện N. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Chị G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của ông Đoàn Đình T1 (bố đẻ anh T):

Do chị G không cung cấp được địa chỉ của anh T ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh T. Ông Đoàn Đình T1 (là bố đẻ của anh T) trình bày ý kiến cho biết anh T đã thông tin cho ông biết quan điểm của anh T về vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh T nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Trong thời gian anh T làm việc ở Đài Loan, anh uỷ quyền cho ông nội là ông Đoàn Đình T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 đến khi anh T về nước. Ông T1 đồng ý. Về cấp dưỡng: Chị G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, anh T nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T nhất trí không yêu cầu giải quyết.

Ông T1 nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh T và đã thông báo lại cho anh T được biết.

Con chung của chị G và anh T là cháu Đoàn Đình T2 có văn bản trình bày nguyện vọng được ở cùng bố.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh T có quan điểm đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân G được ly hôn với anh Đoàn Đình T; Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đoàn Đình T2, sinh ngày 28/7/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị G có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng anh T là **2.000.000 đồng/tháng**; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Vân G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đoàn Đình T. Nguyên đơn chị G hiện đang sinh sống và lao động tại Singapore, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Xóm A, thôn Ú, xã A, huyện N. Bị đơn anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Xóm A, thôn Ú, xã A, huyện N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Theo quy định tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu người nhà trong gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình anh T không cung cấp được. Thông qua gia đình anh T xác định anh T có liên lạc về gia đình, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị G theo biên bản lấy lời khai của ông T1 (là bố đẻ của anh T). Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T có quan điểm đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Vân G và anh Đoàn Đình T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định vào ngày 04/7/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Hiện nay, chị G đang sinh sống, làm việc tại Singapore; anh T đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, mỗi người có cuộc sống riêng. Đến nay chị G xác định không còn tình cảm với anh T và có đơn xin ly hôn, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị G ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị G và anh T có 01 con chung là Đoàn Đình T2, sinh ngày 28/7/2016. Ly hôn, chị đề nghị giao cháu T2 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh T làm việc ở Đài Loan, anh uỷ quyền cho ông nội là ông Đoàn Đình T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 đến khi anh T về nước. Ông T1 đồng ý. Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị G đang sinh sống và làm việc tại Singapore, cháu T2 đang sinh sống ổn định với ông bà nội, cháu T2 cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng bố. Do đó, giao cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi trưởng thành. Trong thời gian anh T làm việc ở Đài Loan, tạm giao cháu T2 cho ông Đoàn Đình T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh T về nước.

Về mức cấp dưỡng: Chị G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Anh T nhất trí với mức cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đã thống nhất được mức cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

Chị G được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân G được ly hôn anh Đoàn Đình T.

2. Về con chung: Giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đoàn Đình T2, sinh ngày 28/7/2016, thời gian từ tháng 05/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Giao cháu T2 cho ông Đoàn Đình T1 trực tiếp nuôi dưỡng thay cho anh T trong thời gian anh lao động ở nước ngoài cho đến khi anh T về nước thì anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Chị G có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho con chung cùng anh T là 2.000.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 05/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số 0001717 ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần nội dung bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường